

Số: 02/THCSKH-PATCTC

Khánh Hội, ngày 25 tháng 12 năm 2025

## **PHƯƠNG ÁN**

### **Tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; sử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2025-2026 của tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình;

Trường THCS Khánh Hội báo cáo xây dựng phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026-2030 như sau:

### **PHẦN THỨ NHẤT**

#### **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ CỦA GIAI ĐOẠN 2022-2025**

**1. Về nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng. Trong đó nêu rõ nhiệm vụ chức năng; tổ chức bộ máy để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng.**

##### **a) Về nhiệm vụ:**

Trường THCS Khánh Hội là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, chịu sự quản lý trực tiếp của UBND xã Khánh Hội; có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước khu vực V-phòng giao dịch số 3 và ngân hàng Agribank chi nhánh Yên Khánh, được cấp ngân sách để đảm bảo các hoạt động giáo dục và đào tạo của Nhà trường theo quy định Pháp luật. Nhà trường có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều 3, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường THCS. Cụ thể:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trung học học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường trung học cơ sở.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

#### **b) Tổ chức bộ máy**

Trường THCS Khánh Hội có cơ cấu tổ chức trường THCS được quy định trong Điều 9, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 gồm: Hội đồng trường; phó Hiệu trưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội; các tổ

chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học sinh.

**c) Về số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng.**

Biên chế giao năm 2025: 27 người; Số biên chế có mặt: 27 người

Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng: 32 người. Trong đó: Ban Giám hiệu: 03 người; Giáo viên biên chế: 22 người; Giáo viên hợp đồng: 04 người; nhân viên biên chế: 02 người; Nhân viên hợp đồng bảo vệ, lao động vệ sinh, coi xe: 01 người.

**2. Về nhiệm vụ được giao, kê chi tiết các nhiệm vụ được giao; nhiệm vụ giao cho các đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ đơn vị tự thực hiện.**

Quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả kinh tế trong việc quản lý và sử dụng tài sản công.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cơ bản được trang bị đảm bảo cho cán bộ, người lao động phục vụ công tác chuyên môn.

Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cán bộ, công chức nâng cao tinh thần trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chấp hành nghiêm kỷ luật lao động, nội quy, quy chế của cơ quan, tăng cường công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính, số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng được ổn định. Hạn chế tối đa các khoản chi phí hành chính như điện, nước, vật tư văn phòng phẩm, xăng xe, công tác phí, tổ chức hội nghị, hội thảo, tiếp khách và các khoản chi khác, trên tinh thần thực hiện tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Tổ chức giáo dục giảng dạy, học tập và các hoạt động khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục.

Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, tham gia hoạt động xã hội.

Thực hiện các hoạt động về Kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.

### **3. Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của nhà nước.**

#### ***a) Về mức thu sự nghiệp:***

Căn cứ quyết định UBND huyện Yên Khánh về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập hằng năm;

Căn cứ Hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về Hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong trường học từng năm học.

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGD&ĐT ngày 03/8/2018 Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết 39/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh Ninh Bình quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ năm học 2024-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục lập, tư thục từ năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình.

Nhà trường đã thực hiện thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, các khoản thu khác theo đúng quy định của pháp luật và văn bản quy định của cấp có thẩm quyền, như: tiền học phẩmtiền bảo hiểm thân thể, tiền bảo hiểm y tế.... Các khoản thu đảm bảo thu đủ bù chi, thỏa thuận bằng văn bản và không vượt quá mức trần theo quy định.

#### ***b) Tình hình chấp hành các chế độ tài chính; quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; quy định khác:***

Nhà trường chấp hành nghiêm túc các chế độ tài chính (Thực hiện theo dự

toán đã xây dựng; thực hiện báo cáo quyết toán tháng, quý, năm đúng thời gian, đảm bảo chính xác); thực hiện chi tiêu theo đúng Quy chế chi tiêu nội bộ mà nhà trường đã xây dựng. Cụ thể:

+ Chi thường xuyên gồm: Chi lương, tiền công, các khoản phụ cấp lương, chi làm ngoài giờ, chi thu nhập tăng thêm, chi phúc lợi tập thể, chi khen thưởng, các khoản đóng góp theo lương, dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thanh toán thông tin tuyên truyền, liên lạc, hội nghị, công tác phí, chi phí thuê mướn, sửa chữa nhỏ tài sản, chi khác. Các khoản chi cụ thể được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

+ Chi không thường xuyên gồm: Chi mua sắm tài sản thiết bị, công cụ dụng cụ và các khoản chi khác có liên quan. Nhà trường tự quyết định việc mua sắm của mình khi có nhu cầu mua sắm tài sản phục vụ cho công việc của cơ quan, bộ phận nào cần mua sắm làm phiếu đề xuất, Hiệu trưởng duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định.

+ Đối với các khoản chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà trường căn cứ vào khả năng tài chính, đơn vị được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

+ Đối với các nội dung chi chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu chi của nhà trường, để xây dựng mức chi cho phù hợp và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

#### 4. Báo cáo về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ

- Thu, chi hoạt động dịch vụ: Không có

- Kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên giao tự chủ:

STT	Năm	Dự toán giao	Số thực hiện	Số kinh phí tiết kiệm được
1	2022	4,900,827,572	4,712,020,160	188,807,412
2	2023	5,855,693,412	5,617,023,016	238,670,396
3	2024	7,217,783,712	7,011,280,912	206,502,800
4	2025 (Ước thực hiện)	7,010,790,800	7,007,934,800	2.856.000
<b>Tổng</b>		<b>24.985.095.496</b>	<b>24.348.258.888</b>	<b>636.836.608</b>

- Số phí theo pháp luật về phí và lệ phí được để lại chi theo quy định: Không có.

**5. Phân phối chênh lệch thu chi thường xuyên (nêu nguyên tắc phân phối đảm bảo phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị), trong đó:**

- Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 0 đồng
- Trích lập quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ khác: 0 đồng.

**6. Thu nhập tăng thêm của người lao động (nêu nguyên tắc):**

Việc chi trả thu nhập tăng thêm cho viên chức, người lao động tối đa không quá 0,3 lần quỹ tiền lương cơ bản của viên chức, người lao động của đơn vị theo nguyên tắc nguyên tắc gắn với chất lượng và hiệu quả công việc; người nào, bộ phận, cá nhân nào có thành tích đóng góp để tiết kiệm chi, có hiệu suất công tác cao thì được trả thu nhập tăng thêm cao hơn.

a) Căn cứ tính toán

Căn cứ vào kết quả hoạt động thu, chi tài chính nhằm động viên kịp thời cho công chức viên chức phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Hệ số thu nhập tăng thêm theo cấp độ thành tích cho các cá nhân được xác định như sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 1,0
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 0,9
- Hoàn thành nhiệm vụ: 0,8

b) Phương pháp tính toán:

- Tổng số tiền được bổ sung tăng thu nhập cho CBCCVV chia (:) hệ số thu nhập tăng thêm (x) với hệ số của từng cán bộ công chức viên chức theo cấp độ thành tích.

\* Công thức áp dụng để tính thu nhập tăng thêm cho từng người như sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 1,0 x Mức TNTT bình quân của đơn vị
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 0,9 x Mức TNTT bình quân của đơn vị
- Hoàn thành nhiệm vụ: 0,8 x Mức TNTT bình quân của đơn vị

$$\text{Mức TNTT bình quân của đơn vị} = \frac{\text{Tổng kinh phí tiết kiệm được}}{\text{Hệ số thu nhập tăng thêm}}$$

(Trong đó hệ số TNTT = (Tổng số người đạt hoàn thành XSNV x 1,0) + (Tổng số người đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ x 0,9) + (Tổng số người hoàn thành nhiệm vụ x 0,8)

Nội dung	ĐVT	2022	2023	2024	2025 (Ước thực hiện)
Số tiền thu nhập tăng thêm của đơn vị	triệu đồng	0	57.410	43.518	11.500
Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần	0	0.95	0.918	0.510
Người có thu nhập tăng thêm cao nhất	Triệu đồng/tháng	0	0.183	0.1462	0.0461
Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất	Triệu đồng/tháng	0	0.164	0.1316	0.0415
Chi phúc lợi	Triệu đồng	0	5.600	116.6	115.2

### 7. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

\* **Khó khăn:** Việc tự chủ trên số biên chế được giao của UBND huyện chưa thực hiện đạt hiệu quả từ năm 2022 đến năm 2025, nhân sự tại các vị trí việc làm thiếu (phục vụ giảng dạy, phục vụ hành chính); Tỷ lệ giáo viên/lớp thấp (1.7GV/lớp) thiếu giáo viên dạy dạy môn học Tin học, chưa có nhân viên làm công tác thiết bị nên kinh phí luôn biến động.

Việc tự chủ chưa hoàn toàn nên khó khăn trong công tác quản lý và cân đối thu, chi cho chính xác, các nghiệp vụ phát sinh không theo kế hoạch chi thường xuyên, đột xuất.

\* **Kiến nghị:** Đề nghị cấp trên bổ sung biên chế để nâng tỷ lệ GV/lớp cho các nhà trường để tạo điều kiện cho các nhà trường thực hiện có hiệu quả việc đổi mới giáo dục; đồng thời thực hiện cấp kinh phí đảm bảo đúng theo biên chế đã được cơ quan quản lý cấp trên duyệt. Hằng năm, xem xét bổ sung nhân sự kịp thời cho từng nhiệm vụ chuyên môn các bộ phận trong nhà trường.

## PHẦN THỨ HAI

### BÁO CÁO PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ GIAI ĐOẠN 2026-2030

**I. Khái quát chung về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc và tình hình triển khai nhiệm vụ trong giai đoạn 2026-2030:**

**1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:**

**a) Về tổ chức bộ máy:**

- Đơn vị có một Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng. Số lượng viên chức và người lao động hợp đồng của đơn vị có mặt thực tế không vượt quá số lượng tại quyết định giao biên chế của UBND xã giao.

**b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:**

- Biên chế giao năm 2025: 27 người; Số biên chế có mặt: 27 người

Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng: 32 người. Trong đó: Ban Giám hiệu: 03 người; Giáo viên biên chế: 22 người; Giáo viên hợp đồng: 04 người; nhân viên biên chế: 02 người; Nhân viên hợp đồng bảo vệ, lao động vệ sinh, coi xe: 01 người.

**c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:**

- Các biên chế có mặt đều đáp ứng yêu cầu trình độ chuyên môn phù hợp với chức danh được giao ( Giáo dục THCS, kế toán , VT, TV), cụ thể:

+ Số biên chế có mặt đều có trình độ đại học trở lên ( Chủ yếu là chuyên môn Sư phạm THCS, văn thư, thư viện, không có biên chế có nghiệp vụ kế toán).

+ Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của nhà nước: Đơn vị chấp hành tốt các quy định về tài chính như áp dụng đúng mức thu các khoản phí, lệ phí, chấp hành đúng các chế độ của tài chính, các quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

**2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị**

Đơn vị được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là Trường THCS Khánh Hội theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

**3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị**

**a) Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ:**

- Các khoản đóng góp theo quy định, các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí và các khoản thu khác năm học 2025-2026:

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quy định mục thu và mức thu, quy chế quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục từ năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ công văn số 927 /SGDĐT-TC về việc thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026 ngày 25/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình;

Căn cứ công văn số 400 /UBND -VHXH về việc Triển khai thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026 ngày 01/10/2025 của UBND xã Khánh Hội;

## II. Xác định phương án tự chủ tài chính:

1. Liệt kê các danh mục dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị sự nghiệp công thực hiện để làm căn cứ phân loại mức độ tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Dịch vụ giáo dục phổ thông

Thực hiện theo Nghị quyết số 271/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về việc miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, học sinh phổ thông được miễn học phí, đơn vị được NSNN cấp bù học phí.

2. Xác định mức tự chủ tài chính:

Căn cứ vào nguồn thu sự nghiệp, chi thường xuyên của năm đầu thời kỳ ổn định (2026), đơn vị SNCL công lập xác định mức độ tự đảm bảo kinh phí hoạt động theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP

Xác định mức độ tự chủ tài chính:

Mức tự bảo		824.000.000			
đảm chi	=	-----	x	100	= 10,72 %
thường		7.684.000.000			
xuyên (%)					

Trường THCS Khánh Hội xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên là: Đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

(Biểu số liệu kèm theo)

Trên đây là phương án tự chủ tài chính của Trường THCS Khánh Hội giai đoạn 2026-2030. Trường THCS Khánh Hội đề nghị UBND xã Khánh Hội phê duyệt./.

### Nơi nhận:

- Phòng Kinh tế xã Khánh Hội;
- Lưu: VT, KT.

**HIỆU TRƯỞNG**



\*Ngô Quang Minh

**DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**  
 (Kèm theo Văn bản số : 02/THSCKH -PATCTC ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Trường THCS Khánh Hội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tình hình tài chính giai đoạn 2022-2025					Dự toán giai đoạn tiếp theo năm 2026
		Thực hiện năm 2022	0	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	Dự toán (6)	Ước thực hiện (7)	(8)
<b>I</b>	<b>Nguồn thu xác định mức độ tự chủ (A)</b>	<b>108.157</b>	<b>290.562</b>	<b>247.2945</b>	<b>261.12</b>	<b>320.46</b>	<b>824</b>
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:	108.157	290.562	247.2945	261.12	320.46	824
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đầu thầu cung cấp dịch vụ						
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền...)	108.157	290.562	247.2945	261.12	320.460	824
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)						
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)						
4	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)						
5	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)						

TT	Nội dung	Tình hình tài chính giai đoạn 2022-2025						Dự toán giai đoạn tiếp theo năm 2026
		Thực hiện năm 2022	0	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		(8)	
					Dự toán	Ước thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên giao tự chủ (B)</b>	<b>4,532</b>	<b>4,697.5</b>	<b>6,430.4</b>	<b>6,964.4</b>	<b>7,007.9</b>	<b>7,684.0</b>	
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	3,515.296	3,697.313	5,487.77	5,877.570	5,976.783	6,566	
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học							
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	1,017.016	841.00	343.14	854.000	1,031.151	918	
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí							
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên		159.143	599.457203	232.8		200	
6	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)							
7	Chi trả lãi tiền vay							
8	Chi thường xuyên khác (nếu có)							
<b>III</b>	<b>Tỷ lệ đảm bảo chi thường xuyên (%) = A/B*100%</b>	2.39	6.19	3.85	3.75	4.57	10.72	
<b>IV</b>	<b>Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên (đối với đơn vị nhóm 3, nhóm 4)</b>	4,424	4,407	6,183	6,703	6,687	6,860	
<b>V</b>	<b>Phân phối kết quả tài chính trong năm (chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ: Mục I + Mục IV – Mục II)</b>	<b>0.000</b>	<b>5.600</b>	<b>116.600</b>	<b>463.193</b>	<b>463.193</b>	<b>465.443</b>	
1	Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp							
	- Từ chênh lệch thu chi thường xuyên							
	- Từ trích khấu hao tài sản cố định							

TT	Nội dung	Tình hình tài chính giai đoạn 2022-2025						Dự toán giai đoạn tiếp theo năm 2026
		Thực hiện năm 2022	0	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		(8)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	Dự toán (6)	Ước thực hiện (7)	(8)	
2	Trích lập quỹ bổ sung thu nhập							
3	Trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi		5.600	116.6	463.193	463.193	465.443	
4	Trích lập quỹ khác (nếu có)							
	<i>(Đổi với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</i>	-						
VI	<b>Thu nhập tăng thêm bình quân của đơn vị</b>		57.410	43.5180	11.500	11.500	17.45	
1	Dưới 01 lần quỹ tiền lương							
2	Từ 1 lần đến 2 lần quỹ tiền lương							
3	Từ trên 2 lần đến 3 lần quỹ tiền lương							
4	Từ trên 3 lần quỹ tiền lương							
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất của đơn vị (Triệu đồng/tháng)		0.183	0.1462	0.0461	0.0461	0.07	
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất của đơn vị (triệu đồng/tháng)		0.164	0.1316	0.0415	0.0415	0.063	